

Số 08-BC/CQTTBCĐ

BÁO CÁO

tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị
quý III/2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cuối năm 2025

Kính gửi: - Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo,
- Các đồng chí Thường trực Ban Chỉ đạo,

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương,
Cơ quan Thường trực xin báo cáo Ban Chỉ đạo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết
số 57-NQ/TW trong quý III và 9 tháng năm 2025, cụ thể như sau:

Phần 1 TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I- CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Trong quý III/2025, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tiếp tục được thực hiện khẩn trương, quyết liệt và đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị. **Đồng chí Tổng Bí thư**, Trưởng Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo nhiều nhiệm vụ quan trọng (*quản lý và khai thác đất hiếm; phát triển UAV; thăm, làm việc tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, trung tâm công nghệ trong nước¹ và quốc tế...*). **Đồng chí Thủ tướng Chính phủ** quyết liệt chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, nhất là thúc đẩy mạnh mẽ Đề án 06 của Chính phủ. **Đồng chí Chủ tịch Quốc hội** chỉ đạo các cơ quan phối hợp chuẩn bị các dự án Luật tại Kỳ họp thứ 10 trong đó nhiều nội dung quan trọng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; tổ chức Hội nghị chuyên đề "Bình dân học vụ số - Quốc hội số". **Đồng chí Thường trực Ban Bí thư** tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng. **Thường trực Ban Chỉ đạo** đã phát huy vai trò trung tâm điều phối, chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt và xuyên suốt, bảo đảm mọi chủ trương, nhiệm vụ được thống nhất triển khai từ Trung ương đến cơ sở; trực tiếp chủ trì nhiều phiên làm việc, cuộc họp chuyên đề, kịp thời nắm bắt tình hình, cho ý kiến tháo gỡ những vướng mắc lớn, đặc biệt là các vấn đề liên ngành, liên lĩnh vực, tạo chuyển biến trong tổ chức thực hiện. **Các bộ, ngành, địa phương** tiếp tục vào cuộc quyết liệt, thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo với người đứng đầu làm Trưởng Ban, ban hành các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để triển khai.

Tính chung từ đầu năm 2025 đến nay, Ban Chỉ đạo đã họp 3 Phiên; Thường trực Ban Chỉ đạo họp 2 Phiên; lãnh đạo Ban Chỉ đạo họp 20 Phiên, trong đó đã chỉ

¹ Viện Năng lượng Nguyên tử; Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia; Triển lãm thành tựu 80 năm tại Đông Anh.

đạo và giao **1.132** nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. **Tiến độ thực hiện:** Đã hoàn thành **485** nhiệm vụ (chiếm 43%)², trong đó 321 nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn, 164 nhiệm vụ hoàn thành quá hạn; đang thực hiện đúng hạn **561** nhiệm vụ; quá hạn chưa hoàn thành **86** nhiệm vụ. So với quý II/2025 có chuyển biến tích cực về **số lượng nhiệm vụ hoàn thành** và **giảm số nhiệm vụ quá hạn**. Tuy nhiên, số lượng nhiệm vụ chưa hoàn thành và nhiệm vụ hoàn thành quá hạn vẫn còn lớn (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

Qua vận hành công thông tin tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã nhận được: **615** phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp³. Các nội dung tập trung kiến nghị cơ quan nhà nước cần minh bạch, liên thông và tự động hoá quy trình, nâng cấp hạ tầng số, bổ sung nhân lực chuyên môn, cùng với đổi mới mô hình quản trị và khuyến khích sáng tạo trong toàn dân.

II- VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Theo lộ trình đề ra, số lượng văn bản quy phạm pháp luật cần phải ban hành trong năm 2025 là **24 luật, 4 nghị quyết, 70 nghị định, 60 thông tư**. Qua 9 tháng triển khai, đã ban hành **17 luật** (2 luật về chuyển đổi số; 5 luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (KHCN, ĐMST) và 10 luật chung cho cả 2 lĩnh vực); **56 nghị định** (15 về chuyển đổi số; 23 về KHCN, ĐMST và 13 chung cho cả 2 lĩnh vực); **60 thông tư** (6 về chuyển đổi số; 47 về KHCN, ĐMST và 7 chung cho cả 2 lĩnh vực); **704 văn bản của địa phương** (247 về chuyển đổi số; 201 về KHCN, ĐMST và 256 chung cho cả 2 lĩnh vực). Từ nay đến hết năm 2025, cần ban hành 7 luật, 13 nghị định, 15 thông tư (*Phụ lục II chi tiết các văn bản theo lĩnh vực kèm theo*).

Nhìn chung, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế đã có nhiều đột phá quan trọng. Các luật, nghị quyết ban hành kịp thời tháo gỡ những rào cản cố hữu, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS⁴, khơi thông nguồn lực về tài chính, ngân sách, hỗ trợ mạnh mẽ cho hệ sinh thái KHCN, ĐMST. Các nghị quyết với cơ chế, chính sách đặc thù⁵, tạo động lực đột phá về nguồn lực, dữ liệu và phát triển kinh tế tư nhân được ban hành. Các nghị định hướng dẫn thi hành các luật, quy định cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, kiến trúc chính quyền địa phương, hợp tác công - tư, đô thị thông minh và quy định về tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng, tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện. Các văn bản quy phạm pháp luật của các địa phương được ban hành để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW⁶. Những kết quả trên cơ bản tạo nền tảng pháp lý vững chắc, thông thoáng cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

2. Tồn tại, hạn chế: (i) Về khối cơ quan Đảng: Còn 5 văn bản chậm ban hành⁷. (ii) Về khối cơ quan của Chính phủ: Còn 13 nghị định⁸ và 15 thông tư⁹ cần

² Bao gồm các nhiệm vụ hoàn thành đến hết tháng 9/2025 và một số nhiệm vụ hoàn thành trước thời hạn.

³ Trong đó nhiều nhất là về thủ tục hành chính và quy trình triển khai (20,4%), ít nhất là cơ chế tài chính, ưu đãi đầu tư, tín dụng (0,8%). Hiện có 176 (28,6%) đã trả lời, 167 (27,2%) quá hạn, 87 (14,1%) đang xử lý trong hạn và 185 (30%) chưa xử lý.

⁴ Các luật trực tiếp liên quan như Luật KH, CN&ĐMST; Luật Công nghiệp, Công nghệ số; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật Năng lượng nguyên tử...

⁵ Nghị quyết số 193, 196, 198 của Quốc hội và Nghị quyết số 214 của Chính phủ.

⁶ Tính đến ngày 12/10/2025, theo báo cáo của 27/34 tỉnh, thành phố đã ban hành 1.048 văn bản để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, trong đó gồm 118 Nghị quyết, 441 Quyết định và 489 Kế hoạch.

⁷ Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì.

ban hành từ nay đến cuối năm 2025 để hướng dẫn các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 9 của Quốc hội.

Nguyên nhân tình trạng trên chủ yếu là do: (i) Khối lượng văn bản quy phạm pháp luật cần ban hành, sửa đổi, bổ sung là rất lớn, trong thời gian ngắn, nhiều vấn đề mới, phức tạp, chưa có tiền lệ. (ii) Năng lực, trình độ, kỹ năng của một số cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo chưa theo kịp. (iii) Chưa đề cao tính chủ động trong công tác phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình thẩm định, thẩm tra.

III- VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tích cực triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo (**Khối cơ quan Đảng tiếp tục thực hiện Đề án 204 và Kế hoạch số 11-KH/BCĐ về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng theo lộ trình. Khối cơ quan Quốc hội đã ban hành Đề án và kế hoạch chuyển đổi số để triển khai thực hiện. Khối cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Đề án và kế hoạch chuyển đổi số để triển khai thực hiện. Khối cơ quan Chính phủ đã có chỉ đạo bổ sung, cập nhật các chương trình chuyển đổi số đã triển khai.** Kết quả nổi bật là:

a) Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) dần đi vào ổn định, phát huy hiệu quả tích cực về kinh tế, xã hội và niềm tin của Nhân dân

Hiện nay, tổng số thủ tục hành chính (TTHC) cả nước (bao gồm khối cơ quan Chính phủ và khối cơ quan Đảng) là **5.542 TTHC**. Khối cơ quan Quốc hội và khối cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chưa thống kê số lượng TTHC và chưa thực hiện cung cấp DVCTT. Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong quý III/2025 là **12,7 triệu hồ sơ** (có 73,5% là trực tuyến). Trong đó:

- Cấp bộ, ngành Trung ương: có **3.195 TTHC**, trong đó cung cấp **929 DVCTT** toàn trình, **2.266 DVCTT** một phần (có 4 DVC của Đảng và 3 DVC của Toà án nhân dân tối cao). Số lượng hồ sơ tiếp nhận trong quý III/2025 là **2,4 triệu hồ sơ**; tỉ lệ hồ sơ trực tuyến đạt **53%**.

- Cấp địa phương: (1) Cấp tỉnh có **2.347 TTHC**, trong đó cung cấp **1.080 DVCTT** toàn trình, **1.267 DVCTT** một phần. (2) Cấp xã có **510 TTHC**, trong đó cung cấp **200 DVCTT** toàn trình, **310 DVCTT** một phần. Số lượng hồ sơ tiếp nhận trong quý III/2025 là hơn **10,3 triệu hồ sơ** (**cấp tỉnh 2,9 triệu hồ sơ, chiếm 28,2%; cấp xã 7,4 triệu hồ sơ chiếm 71,8%**), tỉ lệ hồ sơ trực tuyến đạt **75,7%**.

Như vậy, việc triển khai cung cấp DVCTT phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp là đúng hướng, có hiệu quả thiết thực, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Cụ thể, đối với địa phương tiết kiệm được 4.800 tỉ đồng¹⁰; cấp Trung ương tiết kiệm được 840 tỉ đồng.

Bên cạnh đó, nhiều bộ, ngành, địa phương đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp, giúp nâng cao

⁸ 2 nghị định Bộ Giáo dục và Đào tạo; 3 nghị định của Bộ Tài chính và 8 nghị định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trong đó: 8 nghị định đang triển khai, 3 nghị định đã quá thời hạn so với tiến độ (thời hạn ngày 30/9/2025).

⁹ Tập trung chủ yếu ở Bộ Khoa học và Công nghệ.

¹⁰ Khoản tiết kiệm này đến từ gần 3,7 triệu hồ sơ được thực hiện trực tuyến toàn trình (tiết kiệm hơn 3.082 tỉ đồng) và hơn 5,3 triệu hồ sơ trực tuyến một phần (tiết kiệm hơn 1.761 tỉ đồng), người dân và doanh nghiệp giảm thiểu được đáng kể thời gian, chi phí đi lại và các chi phí không chính thức khác khi thực hiện TTHC qua môi trường mạng.

hiệu quả công tác, giảm thời gian, chi phí, thúc đẩy văn minh xã hội, như việc ứng dụng VNeID vào dịch vụ hàng không, phương tiện công cộng...; hoá đơn điện tử; thu phí không dừng; dịch vụ thanh toán tiền điện¹¹(Phụ lục III về dịch vụ công trực tuyến kèm theo).

b) Việc ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ thông qua việc xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, hợp tác tuyển và nhiều tiện ích phục vụ công tác quản lý, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, rút ngắn thời gian và giảm chi phí cho các cơ quan và cán bộ, công chức như: Khối cơ quan Đảng đã triển khai Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trên toàn quốc; Khối cơ quan Quốc hội đã triển khai App Quốc hội 2.0; Khối cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triển khai thí điểm nền tảng Mặt trận số; Khối cơ quan Chính phủ triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh; liên thông gửi nhận văn bản điện tử trong các cơ quan của Chính phủ tiến tới liên thông trong toàn hệ thống chính trị cho các văn bản cấp độ Mật, Tối Mật; việc hiện đại hoá Trung tâm phục vụ hành chính công đã phát huy vai trò phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp. Những nỗ lực này của các cơ quan đã góp phần tạo ra "thị trường" cho chuyển đổi số, mang lại giá trị hết sức thiết thực¹².

2. Một số tồn tại, hạn chế

a) Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Chất lượng một số DVCTT chưa đáp ứng kỳ vọng: (1) 4 TTHC của khối cơ quan Đảng mới triển khai thí điểm, chất lượng còn chưa thuận tiện cho người dùng. (2) Các TTHC do khối cơ quan Chính phủ cung cấp: (i) *Tỉ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình ở cấp bộ còn thấp (khoảng 30%).* (ii) *Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến (53%) và tỉ lệ số hoá hồ sơ (55,5%) của bộ, ngành còn thấp.* (iii) *Tỉ lệ tái sử dụng thông tin, dữ liệu còn thấp (địa phương là 58,5%; bộ, ngành là 4,05%).* (iv) *Việc cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp có khả năng không đạt 100% đến hết năm 2025.* (v) *Năng lực số của một bộ phận cán bộ, công chức và người dân ở cơ sở còn hạn chế.*

b) Về ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp: (i) **Hạ tầng số**

¹¹ (1) Ứng dụng VNeID đã được mở rộng sang nhiều lĩnh vực: Dịch vụ hàng không ghi nhận khoảng 24 - 25 nghìn lượt sử dụng trong 3 tháng thí điểm. (2) Hoá đơn điện tử (e-Invoice): Lũy kế đến cuối tháng 9/2025, cơ quan thuế đã tiếp nhận và xử lý hơn 17,5 tỉ hoá đơn, một sự gia tăng đáng kể so với con số 14,4 tỉ hoá đơn ghi nhận tại thời điểm 31/5/2025. (3) Thu phí đường bộ không dừng (ETC) và Tài khoản giao thông: Tỉ lệ giao dịch không dừng đạt 100% trên các tuyến cao tốc và khoảng 92% tại các tuyến quốc lộ, đang được mở rộng thanh toán sang các dịch vụ khác như đỗ xe, đăng kiểm, sạc xe điện. (4) Dịch vụ Điện lực số (EVN): Tỷ lệ thanh toán tiền điện qua các kênh điện tử đã đạt mức rất cao, đơn cử như tại EVNHCMC (99,86%), EVNNPC (khoảng 98%), và EVNCPC (99,99%), đi kèm với hàng loạt tiện ích tra cứu và dịch vụ được điện tử hoá hoàn toàn.

¹² (i) Hình thành Danh mục hệ sinh thái 84 nền tảng số quốc gia, ngành và địa phương để tránh đầu tư trùng lặp, tăng khả năng dùng chung. (ii) 3 nền tảng hạ tầng cốt lõi quốc gia (Trục liên thông văn bản quốc gia; Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia; Hệ thống truyền hình hội nghị 3 cấp) đã kết nối thông suốt, phục vụ chỉ đạo, điều hành trong toàn hệ thống chính trị. (iii) Các hệ thống phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục được nâng cấp, phát triển. (iv) Văn phòng Trung ương Đảng tiếp tục triển khai Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan của hệ thống chính trị; xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành; hoàn thành sơ kết thí điểm 4 TTHC của Đảng trên môi trường điện tử; triển khai hiệu quả Đề án chuyển đổi số trong đảng. (v) Quốc hội đã chỉ đạo xây dựng nhiều cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng và một số hệ thống trọng yếu. Ngành Toà án nhân dân đang tập trung xây dựng và đưa vào vận hành các nền tảng, ứng dụng số cốt lõi; Ngành Kiểm sát nhân dân từng bước đưa lên môi trường điện tử các quy trình nghiệp vụ. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục triển khai các phần mềm, ứng dụng trong khối.

của một số cơ quan trong hệ thống chính trị đã xuống cấp, thiếu đồng bộ, cần được nâng cấp¹³. Trang thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), nhất là tại cấp xã còn thiếu¹⁴ và lạc hậu, gây khó khăn cho việc triển khai nghiệp vụ và bảo đảm an toàn thông tin. (ii) Còn tình trạng gặp lỗi, chưa thông suốt của một số hệ thống dùng chung trong các cơ quan của hệ thống chính trị¹⁵. (iii) Chức năng của một số hệ thống ứng dụng còn khó sử dụng, giao diện phức tạp, chưa thân thiện¹⁶. (iv) Các hệ thống thông tin còn chưa được kết nối, chia sẻ chưa phát huy giá trị của dữ liệu, cán bộ phải làm việc trên nhiều hệ thống khác nhau, nhập lại dữ liệu nhiều lần, gây lãng phí thời gian và làm giảm hiệu suất công việc; phần mềm nội bộ của các bộ, ngành, địa phương hoạt động còn rời rạc, chưa có sự liên thông. (v) Nhận thức về số hoá dữ liệu chưa đầy đủ, dữ liệu sau số hoá chưa được chuẩn hoá để thích ứng với các công nghệ mới (trí tuệ nhân tạo); còn thiếu văn bản hướng dẫn để thực hiện số hoá (định mức kỹ thuật, quy trình, cách thức thực hiện...). (vi) Vẫn còn thói quen, cách làm cũ, chưa ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

c) Nguyên nhân và trách nhiệm các cơ quan liên quan

(1) Về thể chế, quy định: (i) Khối cơ quan Đảng chậm ban hành 5 văn bản, do đây là những quy định mới, phạm vi áp dụng trong toàn hệ thống Đảng từ Trung ương đến địa phương, quy trình thủ tục còn phức tạp, nhiều tầng nấc. (ii) Khối cơ quan Chính phủ: Việc công bố, công khai TTHC; phân cấp, phân quyền; rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá quy trình TTHC phụ thuộc vào quyết tâm chính trị của người đứng đầu. *Việc này thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc khối Chính phủ và Văn phòng Trung ương Đảng.*

(2) Hạ tầng số của một số cơ quan, bộ, ngành đã xuống cấp, thiếu đồng bộ¹⁷; trang thiết bị CNTT cấp xã còn thiếu và lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu; khoảng 140 thôn còn lờm sổng. *Việc này thuộc trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.*

(3) Nền tảng số: Còn tình trạng gặp lỗi, chưa thông suốt của một số hệ thống dùng chung trong các cơ quan của hệ thống chính trị¹⁸; các bộ, ngành, địa phương còn chậm ban hành kế hoạch triển khai các nền tảng số do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố¹⁹. *Việc này thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.*

(4) An toàn thông tin, an ninh mạng: Hệ thống thông tin của các cơ quan, các cấp trong hệ thống chính trị còn tình trạng mất an toàn, thường xuyên bị tấn công mạng²⁰. *Việc này thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.*

¹³ Các cơ quan: Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

¹⁴ Cao Bằng, Đắk Lắk, thành phố Hải Phòng, Lai Châu, Lâm Đồng...

¹⁵ Hệ thống quản lý văn bản điều hành, xử lý hồ sơ công việc; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Cổng DVC quốc gia, Phần mềm Một cửa điện tử, hệ thống xác thực định danh điện tử...

¹⁶ Hệ điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng, Cổng Dịch vụ công quốc gia...

¹⁷ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹⁸ Hệ thống quản lý văn bản điều hành, xử lý hồ sơ công việc; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Cổng DVC quốc gia, Hệ thống xác thực định danh điện tử; Phần mềm hộ tịch điện tử...

¹⁹ Đến nay mới có 27/84 nền tảng số được ban hành kế hoạch triển khai thực hiện.

²⁰ Theo thông tin từ Cục A05, Bộ Công an: Trong 6 tháng đầu năm 2025, phát hiện 58 chiến dịch tấn công mạng nhắm vào các cơ quan, đơn vị trọng yếu tại Việt Nam từ 45 nhóm tin tặc, gián điệp mạng quốc tế; tiếp nhận trên 42 triệu cảnh báo tấn công mạng, trên 420 nghìn cảnh báo phát hiện mã độc trên hệ thống của các đơn vị.

(5) Về dữ liệu: Việc số hoá hồ sơ, tài liệu của các cơ quan trong hệ thống chính trị và kết quả giải quyết TTHC của các bộ, cơ quan, địa phương còn chậm và chưa hiệu quả, dẫn đến dữ liệu khó kết nối, chia sẻ, không tái sử dụng được dữ liệu; Tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành còn chậm; Dữ liệu chưa bảo đảm "đúng - đủ - sạch - sống"²¹; việc kết nối, chia sẻ giữa các bộ, ngành, địa phương còn hạn chế. *Việc này thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.*

(6) Nhân sự chuyên trách CNTT, CDS của một số đơn vị²², đặc biệt là cấp xã còn thiếu và yếu; công tác bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số chưa đem lại hiệu quả thực chất. *Việc này thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.*

(7) Việc bố trí kinh phí cho chuyển đổi số ở cấp xã còn rất hạn chế. Trong 9 tháng đầu năm chính quyền cấp xã mới giải ngân được 3,3 tỉ đồng về KHCN và CDS. Một số cơ quan, địa phương còn lúng túng trong xác định hạng mục cần đầu tư; tổ chức thực hiện thiếu quyết liệt, chưa sát yêu cầu thực tế. *Việc này thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.*

IV- VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả đạt được

Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (KHCN, ĐMST) trong thời gian qua tiếp tục có những chuyển biến tích cực, bước đầu gắn kết với các công nghệ chiến lược. Cụ thể như sau:

a) Về các công nghệ chiến lược²³: Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 11 công nghệ chiến lược, Chính phủ và các bộ, ngành đang tích cực triển khai. Hiện nay, đã giao nhiệm vụ cho các bộ, cơ quan triển khai các công nghệ chiến lược như: Bộ Quốc phòng (UAV), Bộ Công an (nền tảng AI), Bộ Giáo dục và Đào tạo (phát triển trung tâm đào tạo, nghiên cứu chuyên sâu về AI); Bộ Khoa học và Công nghệ (bộ dữ liệu lớn, chất lượng cao của Việt Nam; hạ tầng tính toán hiệu năng cao); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đánh giá trữ lượng, tiềm năng đất hiếm và có kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả); thành phố Hà Nội (cụm công nghệ bán dẫn và trí tuệ nhân tạo); thành phố Đà Nẵng (cụm công nghệ chuyên sâu về kinh tế biển); Đại học Quốc gia Hà Nội (lượng tử, chip bán dẫn, AI)...

Các doanh nghiệp, viện, trường đã tiên phong, chủ động dựa vào nguồn lực của mình để nghiên cứu, phát triển nhiều sản phẩm công nghệ chiến lược ngay từ khi chưa có sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Nhóm 1: Trí tuệ nhân tạo (Mô hình ngôn ngữ lớn, AI Camera, Robot tự hành): (1) *Mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) và Trợ lý ảo*: Các doanh nghiệp hàng đầu (FPT, VNG, VNPT, Viettel, CMC) đã tự chủ phát triển các mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt, đạt các chuẩn quốc tế và có sản phẩm ứng dụng thực tế. (2) *AI Camera xử lý tại biên*: Nhiều doanh nghiệp (Hanet, CMC, MK Vision, Viettel, BKAV,

²¹ Đối với 11 CSDL theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (9 bộ, ngành và TANDTC): Đã xây dựng 4/12 CSDL (hệ tịch điện tử, đất đai, tài chính, hoá chất) nhưng chưa bảo đảm đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung; còn 8/12 CSDL phải hoàn thành trong năm 2025. Đối với 116 CSDL theo Nghị quyết 71/NQ-CP²¹: 32 CSDL đã xây dựng, sử dụng có khả năng kết nối ngoại ngành; 29 CSDL đã xây dựng, mới dùng nội ngành; 40 CSDL đang xây dựng; 5 CSDL chưa xây dựng (phải hoàn thành năm 2025); 10 CSDL chưa xây dựng (phải hoàn thành năm 2026).

²² Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Toà án nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội...

²³ Tổng kinh phí đã bố trí năm 2025 cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược ưu tiên phát triển: 934,4 tỉ đồng, gồm: AI: 576,4 tỉ đồng; Công nghệ lượng tử: 20 tỉ đồng; Công nghệ năng lượng, vật liệu tiên tiến: 12 tỉ đồng; Công nghệ Y - Sinh học: 36 tỉ đồng; Phương tiện không người lái: 145 tỉ đồng; Vi mạch bán dẫn: 145 tỉ đồng.

VConnex) đã làm chủ và thương mại hoá các dòng sản phẩm AI Camera. (3) *Robot tự hành*: Các doanh nghiệp tiên phong (VinMotion, Phenikaa-X) đã có sản phẩm ở mức độ sẵn sàng công nghệ cao (TRL 6-7).

Thực hiện định hướng chiến lược "AI-First" với mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam thuộc nhóm 30 quốc gia dẫn đầu thế giới, Ban Chỉ đạo đã giao một số nhiệm vụ trọng tâm cho các cơ quan triển khai thực hiện: *Về thể chế*: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì đẩy nhanh tiến độ xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10; sửa đổi Chiến lược quốc gia về AI theo hướng "AI-First" (hoàn thành trong tháng 10/2025); xây dựng Khung kinh tế dữ liệu quốc gia (hoàn thành trong tháng 12/2025). *Về hạ tầng*: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng Đề án "Xây dựng Hạ tầng tính toán hiệu năng cao (HPC) và các trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển AI" (báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10/2025). Bộ Công an đẩy nhanh tiến độ Trung tâm dữ liệu quốc gia. *Về dữ liệu và ứng dụng*: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng và công bố các bộ dữ liệu lớn, chất lượng cao của Việt Nam (phiên bản đầu tiên trong tháng 12/2025). Các bộ, ngành được giao nhiệm vụ cụ thể để triển khai thí điểm tích hợp AI vào lĩnh vực quản lý. *Về nhân lực*: Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án "Phát triển một số trường, trung tâm đào tạo, nghiên cứu tiên tiến chuyên sâu về AI đạt trình độ quốc tế" (trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11/2025).

- *Nhóm 2: Hệ thống và thiết bị mạng di động 5G*: Viettel là doanh nghiệp duy nhất đã nghiên cứu, sản xuất và làm chủ toàn bộ thiết kế, tích hợp hệ thống 5G, đạt tỉ lệ giá trị Việt Nam trong sản phẩm là 65%.

- *Nhóm 3: Hạ tầng mạng Blockchain* (truy xuất nguồn gốc, tài sản mã hoá): (1) Truy xuất nguồn gốc: VNPT và PILA đã phát triển nền tảng NDATrace, làm chủ 100% công nghệ lõi chuỗi khối Layer-1 (NDACHain). (2) Tài sản mã hoá: Công ty 1Matrix đã hoàn thiện nguyên mẫu mạng blockchain đa chuỗi (VBSN) "Make in Vietnam" và nền tảng token hoá tài sản thực.

- *Nhóm 4: Thiết bị bay không người lái (UAV)*: Nhiều doanh nghiệp (Real-time Robotics, Phenikaa-X, CT Group, Viettel) đã làm chủ công nghệ và có sản phẩm cạnh tranh quốc tế, phục vụ cả lưỡng dụng và quốc phòng.

- Đối với các nhóm công nghệ chiến lược còn lại

+ Công nghệ Điện toán đám mây: Viettel IDC, VNPT, FPT Smart Cloud, CMC Cloud, VNG Cloud, MobiFone Cloud đều đang cung cấp các dịch vụ điện toán đám mây "Make in Vietnam" đa dạng (máy chủ ảo, lưu trữ, mạng, bảo mật).

+ Lượng tử, Dữ liệu lớn; Công nghệ Robot và Tự động hoá: Phenikaa X với các sản phẩm robot tự hành đã được đưa vào thử nghiệm.

+ Công nghệ Chip bán dẫn: FPT Semiconductor (với dòng chip IoT cho y tế) và Viettel (với chip 5G) đã nghiên cứu và công bố thành công sản phẩm chip của riêng mình.

+ Công nghệ An ninh mạng: Các tên tuổi nổi bật bao gồm Viettel Cyber Security (VCS), Bkav, CMC Cyber Security, SecurityBox, VSEC. 86% doanh nghiệp tại Việt Nam đã ứng dụng AI vào an ninh mạng, cho thấy mức độ sẵn sàng và phát triển cao của ngành.

+ Công nghệ Hàng không và Vũ trụ: Trung tâm Vũ trụ Việt Nam (VNSC) đã tự thiết kế, chế tạo và phóng thành công các vệ tinh nhỏ như PicoDragon, MicroDragon và NanoDragon, đánh dấu bước tiến lớn trong việc làm chủ công nghệ vệ tinh.

+ Công nghệ Y - sinh học tiên tiến: Hệ thống tiêm chủng VNVC đang xây dựng nhà máy và dự kiến sẽ bắt đầu sản xuất vaccine công nghệ mới thông qua chuyển giao công nghệ vào cuối năm 2027.

+ Công nghệ Năng lượng, Vật liệu tiên tiến: VinES (thuộc Vingroup) đã xây dựng Nhà máy sản xuất pin lithium tại Hải Phòng để chủ động nguồn cung cho xe điện Vinfast. Bên cạnh đó, các tập đoàn lớn như LG Chem và Panasonic cũng có nhà máy sản xuất pin tại Việt Nam. Ngoài ra, còn có các công ty trong nước như Công ty cổ phần Công nghệ Lithium Việt Nam chuyên cung cấp các giải pháp lưu trữ dùng pin lithium (*Phụ lục IV, V kèm theo*).

Nhìn chung, Việt Nam đã bước đầu hình thành năng lực tự chủ công nghệ ở một số lĩnh vực then chốt. Trong đó, một số sản phẩm công nghệ chiến lược đã được thương mại hoá như: Kiki của Tập đoàn VNG, AI Camera của Hanet, VConnex và CMC, Công nghệ 5G của Viettel, Robot STEM của Công ty DTT, Trợ lý ảo hành chính công của VNPT. Bên cạnh đó, hiện nay đã có một số sản phẩm công nghệ đang trong giai đoạn thử nghiệm nhưng chưa thương mại hoá như: Mô hình ngôn ngữ lớn của Tập đoàn VNG, Robot của Tập đoàn VinGroup, Robot giao hàng của Tập đoàn Phenikaa, UAV của Công ty Real-time Robotics VietNam và Tập đoàn Viettel, CT Group, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam...

b) Về hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Đến tháng 9/2025, cả nước có khoảng 950 doanh nghiệp KHCN được cấp giấy chứng nhận (98,5% là doanh nghiệp tư nhân; chỉ 6,5% doanh nghiệp hình thành từ kết quả KHCN có nguồn gốc ngân sách nhà nước). So với quý II/2025, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nhìn chung duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định, hầu hết các ngành đều tăng nhẹ từ 2 - 6%, không có đột biến. Doanh thu toàn thị trường tăng tương ứng 1,5 lần so với thời điểm tháng 6/2025, song chưa ghi nhận sự bứt phá vượt trội ở ngành nào, thể hiện sự phát triển đều nhưng chưa có đột phá về quy mô. Các nhóm ngành CNTT, lập trình và phần mềm tiếp tục chiếm ưu thế cả về số lượng lẫn doanh thu, phản ánh xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ. Nhìn chung, cấu trúc ngành nghề không biến động lớn, thị trường ổn định; cần ưu tiên hỗ trợ các ngành có hàm lượng tri thức và đổi mới sáng tạo cao như CNTT, KHCN, R&D nhằm thúc đẩy năng lực cạnh tranh quốc gia (*Phụ lục VI kèm theo*).

c) Về Sở hữu trí tuệ: Đến hết tháng 9/2025, tiếp nhận 113.494 đơn sở hữu công nghiệp các loại (bằng 102,3% so với cùng kỳ năm 2024); đã xử lý được 197.768 đơn (bằng 199,6% so với cùng kỳ năm 2024) và cấp 63.500 văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp (bằng 171% so với cùng kỳ năm 2024). Đến nay, cơ bản đã giải quyết hết số 110 nghìn đơn quá hạn chưa xử lý tại thời điểm ngày 31/12/2024. Đến hết tháng 9/2025, chỉ còn khoảng 5.000 đơn quá hạn phát sinh trong năm 2025 và dự kiến sẽ giải quyết về cơ bản số lượng đơn này trước ngày 31/10/2025, sớm hơn gần 2 năm kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 100/2023/QH15 của Quốc hội. Việt Nam trở thành một trong số ít quốc gia ASEAN không còn tồn đọng đơn sở hữu công nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

d) Về vận hành Cổng sáng kiến quốc gia: Bộ Khoa học và Công nghệ đã ra mắt Cổng Sáng kiến Khoa học và Công nghệ (nq57.mst.gov.vn), đang đánh giá 320 sản phẩm - giải pháp, công bố 104 sản phẩm - giải pháp và tiếp nhận hàng

trăm sáng kiến, đề xuất mới, giúp hỗ trợ doanh nghiệp, nhà khoa học, startup, tổ chức nghiên cứu quảng bá kết quả, tìm kiếm đối tác và mở rộng khả năng thương mại hoá sản phẩm.

d) Về phát triển nhân lực chất lượng cao: Chính phủ đã ban hành 2 nghị định về cơ chế thu hút chuyên gia và nhân tài hàng đầu. Bộ Ngoại giao đang triển khai kế hoạch giới thiệu 100 chuyên gia hàng đầu về nước làm việc. Quy mô đào tạo các ngành STEM tiếp tục tăng (10,59% trong năm 2024), đặc biệt các ngành phục vụ công nghiệp bán dẫn ghi nhận khoảng 19.000 sinh viên nhập học. Các đội tuyển học sinh Việt Nam tiếp tục đạt thành tích xuất sắc tại các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực năm 2025.

e) Về thúc đẩy các mô hình hợp tác và phát triển hệ sinh thái, đô thị thông minh

- Khu công nghệ cao (KCNC): Các KCNC điển hình như Hoà Lạc và Thành phố Hồ Chí Minh đã thành công trong việc thu hút các tập đoàn công nghệ lớn trong và ngoài nước (như Samsung, Intel, Viettel, Vingroup), tạo ra sản lượng và kim ngạch xuất khẩu quy mô lớn.

- Về phát triển đô thị thông minh: Tổ công tác liên ngành cấp quốc gia đã được thành lập để bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất. Chính phủ đã ban hành Nghị định về phát triển đô thị thông minh, tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc triển khai (*Phụ lục VII kèm theo*).

2. Tồn tại, hạn chế nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan liên quan

a) Về thể chế, chính sách

- *Tồn tại, khó khăn:* (1) Nền sản xuất công nghệ cao phụ thuộc lớn vào khối FDI, giá trị gia tăng nội địa thấp (15 - 18%), chủ yếu là gia công, lắp ráp²⁴. (2) Mô hình hợp tác 3 Nhà (Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp) còn mang tính hình thức, chưa hiệu quả trong việc thương mại hoá kết quả nghiên cứu. (3) Tỷ lệ thương mại hoá sáng chế chỉ đạt khoảng 0,1%, cực kỳ thấp so với mục tiêu 8 - 10% vào năm 2030, biến các công trình nghiên cứu thành "tài sản chết". (4) Tuy có những tín hiệu tích cực về xử lý đơn sở hữu công nghiệp, nhưng cần tiếp tục rút ngắn thủ tục và thời gian cấp văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp.

- *Nguyên nhân và trách nhiệm:*

+ Luật Đầu tư hiện hành chưa có quy định về tỉ lệ nội địa hoá, chưa tạo sức ép để các tập đoàn FDI lớn chuyển giao công nghệ. Bộ Tài chính có trách nhiệm nghiên cứu đề xuất sửa đổi.

+ Quy trình, thủ tục đăng ký quyền sở hữu trí tuệ còn kéo dài²⁵. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, đề xuất sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá XV và các văn bản liên quan để giải quyết vấn đề này.

b) Về nền tảng, hạ tầng

- *Tồn tại, khó khăn:* (1) 16 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia do đầu tư dàn trải, thiếu đồng bộ nên nhiều thiết bị đã xuống cấp, lạc hậu²⁶. (2) Các khu công

²⁴ Năng lực làm chủ công nghệ lõi và vật liệu nguồn còn yếu. Mối liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn lỏng lẻo, chưa gắn với quá trình chuyển giao công nghệ. Tỷ lệ nội địa hoá các sản phẩm còn thấp; Chính sách tài chính chưa đủ đột phá để khuyến khích nội địa hoá.

²⁵ Quy trình thẩm định hồ sơ còn phức tạp, chưa minh bạch; thời gian trung bình để cấp bằng độc quyền sáng chế còn kéo dài (44 tháng, cao hơn gấp 2,4 lần so với thời hạn 21 tháng) chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

nghe cao (Hoà Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh) chưa tạo được sức lan toả và nâng cao năng lực công nghệ nội địa như kỳ vọng. (3) Công Sáng kiến quốc gia chưa hoàn thành các nhiệm vụ được giao, kết quả chưa phản ánh đúng vai trò và tầm vóc.

- Trách nhiệm:

+ Bộ Khoa học và Công nghệ: Chịu trách nhiệm trong việc đầu tư, quản lý các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng Công Sáng kiến quốc gia trong tháng 10/2025.

+ Ban Quản lý các Khu công nghệ cao: Cần tái cấu trúc mô hình hoạt động để phát huy hiệu quả thực chất, tăng cường kết nối và lan toả công nghệ.

c) Về dữ liệu

- *Tồn tại, khó khăn:* (1) Thiếu các bộ dữ liệu lớn, chất lượng cao của Việt Nam để phục vụ phát triển AI. (2) Việc tích hợp, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý nhà nước còn ở giai đoạn thí điểm.

- Trách nhiệm:

+ Bộ Khoa học và Công nghệ: Chủ trì xây dựng và công bố các bộ dữ liệu lớn, chất lượng cao và xây dựng Khung kinh tế dữ liệu quốc gia theo nhiệm vụ được giao.

+ Các bộ, ngành liên quan: Chịu trách nhiệm triển khai thí điểm tích hợp AI vào lĩnh vực quản lý của mình theo nhiệm vụ được giao.

d) Về Công sáng kiến khoa học, công nghệ: Hiện Công sáng kiến khoa học, công nghệ chưa được hoàn thiện đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu Ban Chỉ đạo đã giao tại Thông báo số 12-TB/TGV, ngày 14/4/2025 và Thông báo số 15-TB/TGV, ngày 28/4/2025 của Thường trực Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo.

đ) Về tài chính

- *Tồn tại, khó khăn:* (1) Doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận vốn. (2) Bằng độc quyền sáng chế không được chấp nhận làm tài sản thế chấp. (3) Tiềm lực khoa học, công nghệ nói chung của doanh nghiệp còn rất khiêm tốn (theo kết quả khảo sát tại 90 doanh nghiệp lớn mới đạt 6.377 tỉ đồng), chỉ hằng năm chỉ đạt khoảng 2.155 tỉ đồng. Số doanh nghiệp có trung tâm hoặc phòng thí nghiệm nghiên cứu chỉ chiếm 30%. (4) Hoạt động của doanh nghiệp chưa tạo ra đột phá về quy mô (chủ yếu tập trung ở các nhóm ngành công nghệ thông tin và phần mềm).

- *Trách nhiệm:* Tồn tại nêu trên cũng chính là nguyên nhân của vấn đề này, do đó Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ cần có trách nhiệm phối hợp để xây dựng cơ chế, quy định về định giá tài sản trí tuệ nhằm tháo gỡ điểm nghẽn về vốn cho doanh nghiệp khoa học, công nghệ.

e) Về nhân lực

- *Tồn tại, khó khăn:* (1) Các viện nghiên cứu, trường đại học: Mặc dù đã hình thành 4 cơ sở R&D trọng điểm của quốc gia (Viện Hàn lâm Khoa học và

²⁶ Theo thông tin từ Bộ Khoa học và Công nghệ, có 4 Phòng thí nghiệm trọng điểm (PTNTĐ) cần xem xét rà soát, đánh giá để điều chỉnh toàn diện, tránh lãng phí và tập trung nguồn lực: (1) PTNTĐ Công nghệ tế bào thực vật khu vực phía Nam - Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam. (2) PTNTĐ Chuẩn đo lường - Bộ Khoa học và Công nghệ. (3) PTNTĐ Công nghệ mạng và đa phương tiện - Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam. (4) PTNTĐ Vật liệu polyme và composit - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội), song năng lực nghiên cứu và đào tạo nhìn chung còn khoảng cách lớn so với khu vực. Nguồn nhân lực R&D đang đối mặt với thách thức: (i) Về hạ tầng vật chất, 16 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia với tổng mức đầu tư hơn 966,7 tỉ đồng nhưng do đầu tư dàn trải, thiếu đồng bộ nên nhiều thiết bị đã xuống cấp, lạc hậu, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả khai thác. (ii) Về nhân lực kế cận, đang đối mặt với nguy cơ thiếu hụt trong tương lai gần do số lượng nghiên cứu sinh còn hạn chế, chưa đáp ứng tốc độ thay thế cho lực lượng nghiên cứu đang già hoá. (2) Nguy cơ thiếu hụt nhân lực R&D kế cận do số lượng nghiên cứu sinh còn hạn chế, trong khi lực lượng nghiên cứu đang già hoá. (3) Công tác đào tạo sau đại học và ngành STEM còn dàn trải, chất lượng chưa cao, chưa gắn với thực tiễn. (4) Các cơ sở đào tạo - nghiên cứu thiếu giảng viên và nhà khoa học đầu ngành, thiếu môi trường nghiên cứu hiện đại, gắn kết với doanh nghiệp. (5) Đội ngũ cán bộ quản lý KHCN, ĐMST cần được bồi dưỡng để thay đổi nhận thức và cách làm.

- Trách nhiệm:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo: Chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo sau đại học và các ngành STEM; xây dựng Đề án "Phát triển một số trường, trung tâm đào tạo, nghiên cứu tiên tiến chuyên sâu về AI đạt trình độ quốc tế" (trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11/2025).

+ Các viện nghiên cứu, trường đại học: Cần đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường kết nối với doanh nghiệp và tạo môi trường nghiên cứu hấp dẫn để thu hút, giữ chân các nhà khoa học.

+ Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành rà soát và bồi dưỡng kịp thời đội ngũ cán bộ quản lý KHCN, ĐMST.

V- VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

1. Tình hình giải ngân vốn cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS đến hết quý III/2025

a) Tổng kinh phí bố trí năm 2025 là 76 nghìn tỉ đồng, gồm: (i) Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đã bố trí 51 nghìn tỉ đồng. (ii) Đã trình cân đối thêm 25 nghìn tỉ đồng từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024; bảo đảm đủ 3% chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho KHCN, ĐMST, CDS. Có 31/35 bộ, ngành, cơ quan trung ương²⁷ và 29/34 địa phương²⁸ đề nghị bổ sung vốn năm 2025 với tổng nhu cầu bổ sung kinh phí năm 2025 khoảng 74.400 tỉ đồng (trong đó Trung ương 67.300 tỉ đồng, địa phương 7.100 tỉ đồng). Trong đó: Đã phân bổ 61 nghìn tỉ, còn lại 15 nghìn tỉ chưa phân bổ.

(i) Đối với số giao đầu năm 51 nghìn tỉ đồng: Có 30 nghìn tỉ thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng; số còn lại 21 nghìn tỉ đồng gồm: Ngân sách trung ương là 14,9 nghìn tỉ đồng; ngân sách địa phương là 5,85 nghìn tỉ đồng.

²⁷ Bộ, cơ quan trung ương không đăng ký bổ sung kinh phí 2025: Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Đài Tiếng nói Việt Nam, Văn phòng Chủ tịch nước.

²⁸ Địa phương không đăng ký (có văn bản đề nghị không dùng nguồn ngân sách trung ương): Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Tình hình dự toán chi cho các khối cơ quan năm 2025 và chuyển nguồn từ năm 2024 sang, cụ thể như sau:**

- Khối cơ quan Đảng: 774 tỉ (240 tỉ cho KHCN, 534 tỉ cho CDS).
- Khối cơ quan Quốc hội: 29 tỉ cho KHCN; CDS là 0 tỉ đồng.
- Khối cơ quan Chính phủ: 16.150 tỉ (13.511 tỉ cho KHCN, 2.639 tỉ cho CDS).
- Khối cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội: 105 tỉ (103 tỉ cho KHCN, 2 tỉ cho CDS).
- Khối địa phương: 10.484 tỉ (6.944 tỉ cho KHCN, 3.540 tỉ cho CDS).

*** Tình hình giải ngân đến ngày 14/10/2025 là 13 nghìn tỉ đồng/21 nghìn tỉ đồng (62%); cụ thể như sau:**

- Ngân sách trung ương đã giải ngân 8,68 nghìn tỉ đồng (KHCN, ĐMST là: 7,54 nghìn tỉ đồng; chuyển đổi số là 1,14 nghìn tỉ đồng). Trong đó:

- + Khối Quốc hội là 5 tỉ (toàn bộ là KHCN, ĐMST).
- + Khối Đảng là 100,5 tỉ (KHCN là 82,4 tỉ, CDS là 18,1 tỉ đồng).
- + Khối cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là 49,6 tỉ (KHCN là 48,2 tỉ, CDS là 1,4 tỉ đồng).
- + Khối Chính phủ là 8,529 nghìn tỉ (KHCN là 7,405 nghìn tỉ, CDS là 1,12 nghìn tỉ đồng).

- Ngân sách địa phương đã giải ngân 4,34 nghìn tỉ đồng (KHCN, ĐMST là: 2,79 nghìn tỉ đồng; CDS là 1,55 nghìn tỉ đồng), chủ yếu là cấp tỉnh; cấp xã giải ngân đến nay là 3,3 tỉ đồng (KHCN là 776 triệu đồng, CDS là 2,5 tỉ đồng).

(ii) Đối với số 25 nghìn tỉ đồng: Tính đến ngày 13/10/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đề xuất bổ sung cho 16 bộ, cơ quan trung ương và 7 địa phương là 10.163 tỉ đồng (thường xuyên 3.194 tỉ đồng, đầu tư phát triển 6.969 tỉ đồng).

(iii) Bên cạnh đó, đến nay đã bố trí/bổ sung cho các bộ, cơ quan trung ương 6.190,2 tỉ đồng²⁹ để thực hiện Đề án 06 và 12,8 tỉ đồng cho 5 địa phương để hỗ trợ số hoá tài liệu lưu trữ.

(iv) Về nhu cầu đề xuất chưa được Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phân bổ là: 15 nghìn tỉ đồng.

b) Đánh giá chung

- Trong tổng số kinh phí đề xuất³⁰, qua số liệu giải ngân trên tổng số kinh phí được phân bổ cho thấy tỉ lệ giải ngân cho chuyển đổi số cao gần gấp đôi so với KHCN, ĐMST. Đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, tỉ lệ phân bổ mới đạt xấp xỉ 10% tổng số kinh phí phân bổ (936 tỉ đồng/10 nghìn tỉ đồng).

- Tiến độ giải ngân chung đến ngày 14/10/2025 đạt 62% (13/21 nghìn tỉ đồng). Tỉ lệ này là còn chậm so với yêu cầu, khi đã bước vào quý IV của năm ngân sách. Bên cạnh đó, trong khi nguồn lực tập trung lớn ở cấp Trung ương và cấp tỉnh,

²⁹ Từ nguồn chi sự nghiệp chưa phân bổ đầu năm, nguồn dự phòng ngân sách Trung ương 2025 và nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024.

³⁰ Trong tổng số kinh phí được phân bổ (10.157,831 tỉ đồng), lĩnh vực KHCN, ĐMST: 3.366,376 tỉ đồng; lĩnh vực Chuyển đổi số: 6.791,455 tỉ đồng.

việc giải ngân kinh phí cho cấp xã còn hết sức hạn chế, chỉ đạt 3,3 tỉ đồng trên tổng số 13 nghìn tỉ đồng đã giải ngân. Việc phân bổ nguồn lực chưa hợp lý, cấp xã là cấp chính quyền trực tiếp thực thi chính sách, phục vụ người dân và doanh nghiệp, nhưng lại không được giao đủ nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Về nhu cầu đề xuất bố trí kinh phí cho KHCN, ĐMST và CDS chỉ có 4/35 cơ quan Trung ương và 5/34 địa phương không đề xuất bố trí, còn lại hầu hết các cơ quan Trung ương, địa phương đều đăng ký bổ sung vốn.

- Công tác phối hợp giữa Bộ quản lý ngành với Bộ quản lý kinh phí chưa chặt chẽ, Bộ Khoa học và Công nghệ chưa có hướng dẫn cụ thể về phạm vi của từng tiểu ngành/nhóm cụ thể để Bộ Tài chính điều chỉnh các công cụ quản lý, phần mềm theo dõi chi tiết theo yêu cầu, giúp đẩy nhanh tiến độ đăng ký, phân bổ và giải ngân.

- Việc bố trí kinh phí cho KHCN, ĐMST chưa tương xứng với yêu cầu tập trung phát triển, nhất là công nghệ chiến lược. Kinh phí ở cấp chính quyền địa phương, nhất là cấp xã chưa được bố trí phù hợp, ảnh hưởng đến chất lượng cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; công tác hướng dẫn và phối hợp triển khai việc đăng ký, phân bổ, giải ngân cần sớm được cải thiện.

2. Kinh phí đầu tư cho các phòng thí nghiệm và liên quan đến công nghệ chiến lược

a) Kinh phí cho các phòng thí nghiệm

- Phòng thí nghiệm trọng điểm

Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý bổ sung dự toán ngân sách nhà nước 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách nhà nước 2024³¹ để thực hiện đầu tư cho các phòng thí nghiệm trọng điểm, tổng số là 1023,6 tỉ đồng gồm (Bộ Quốc phòng 290 tỉ đồng, Bộ Công an 555 tỉ đồng, Bộ Giáo dục và Đào tạo 78,6 tỉ đồng, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh 100 tỉ đồng).

- Kinh phí đầu tư cho các Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, hạ tầng Khu CNC trong kế hoạch đầu tư công năm 2025: Theo số liệu trích xuất từ hệ thống đầu tư công, năm 2025, vốn đầu tư phát triển cho các Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu là 888,389 tỉ đồng, trong đó tập trung vào hệ thống Viện, trường đại học³². Đối với Khu công nghệ cao, năm 2025, bố trí vốn cho Khu Công nghệ cao Hoà Lạc để hoàn thành hạ tầng phát triển khu công nghệ cao theo lộ trình đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương là 563,197 triệu đồng.

b) Kinh phí đầu tư cho công nghệ chiến lược

- *Kinh phí liên quan đến đất hiếm*: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định³³ bổ sung từ nguồn dự toán ngân sách trung ương đã được Quốc hội thông qua chưa phân bổ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường là 802,838 tỉ đồng (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Ngoài ra, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 1162/TTr-BTC trình Chính phủ bổ sung dự toán cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường 950 tỉ đồng.

³¹ Quyết định số 185/QĐ-TTg, ngày 17/9/2025; quyết định số 2173/QĐ-TTg, ngày 05/10/2025.

³² Như Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội.

³³ Quyết định số 20/QĐ-TTg, ngày 21/02/2025.

- Tổng kinh phí đã bố trí năm 2025 cho một số công nghệ chiến lược: 934,4 tỉ đồng, cụ thể: AI: 576,4 tỉ đồng; Công nghệ lượng tử: 20 tỉ đồng; Công nghệ năng lượng, vật liệu tiên tiến: 12 tỉ đồng; Công nghệ Y - Sinh học: 36 tỉ đồng; Phương tiện không người lái: 145 tỉ đồng; Vi mạch bán dẫn: 45 tỉ đồng.

VI- HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong 9 tháng năm 2025, công tác hợp tác quốc tế được đẩy mạnh toàn diện và đi vào thực chất, trở thành một kênh quan trọng để huy động nguồn lực, tiếp thu tri thức và nâng cao vị thế quốc gia. Các kết quả nổi bật như sau:

1. *Hợp tác KHCN, ĐMST, CDS đã được nâng lên thành trụ cột ưu tiên trong quan hệ song phương với nhiều đối tác chiến lược.* Thông qua hơn 20 chuyến thăm và sự kiện cấp cao (tại Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU...), các cam kết chính trị đã được cụ thể hoá bằng gần 40 thoả thuận hợp tác mới được ký kết với các đối tác quan trọng như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Pháp, Estonia, Belarus...

2. *Công tác đào tạo và phát triển nhân lực công nghệ cao đạt được những kết quả đột phá.* Đã huy động được các cam kết quan trọng từ các đối tác chiến lược, tiêu biểu như: Nhật Bản hỗ trợ đào tạo 250 tiến sĩ ngành bán dẫn đến năm 2030 và viện trợ 51 tỉ đồng cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC); Trung Quốc cấp học bổng đào tạo tiến sĩ AI và nhân lực quy mô lớn cho các ngành bán dẫn, lượng tử.

3. *Mạng lưới hợp tác với các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới và cộng đồng trí thức người Việt ở nước ngoài được củng cố và mở rộng.* Đã thúc đẩy hợp tác với các tập đoàn lớn như Qualcomm, Intel, ASML, Thales, Shin - Etsu; đồng thời, củng cố và phát huy vai trò của mạng lưới hơn 30 hội đoàn trí thức và 83 chuyên gia người Việt trên toàn cầu.

VII- NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Nhìn chung, Nghị quyết số 57-NQ/TW ra đời đã từng bước tạo được đột phá mới trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị cũng như trong toàn xã hội. **Đã định hình rõ quan điểm chuyển đổi mô hình phát triển đất nước, trọng tâm là xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;** nhận thức và quyết tâm chính trị về KHCN, ĐMST, CDS đã được nâng cao, trở thành điểm nhấn quan trọng trong chỉ đạo, điều hành ở các cấp, các ngành. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã chú trọng ứng dụng công nghệ vào công việc; người dân và doanh nghiệp hưởng ứng, tin tưởng và cùng tham gia với cơ quan nhà nước thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Niềm tin của cộng đồng, chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế tiếp tục được tăng cường, khẳng định việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW thời gian qua đang đi đúng hướng.

Từ sự chỉ đạo rất sâu sát, quyết liệt của Ban Chỉ đạo với những bước đi bài bản, đồng bộ và sự nỗ lực, cố gắng của các cơ quan trong hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, kết quả đạt được là rất tích cực. Nhiều điểm nghẽn về thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách đã được tháo gỡ; nguồn lực kinh phí

cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được bố trí đủ; hạ tầng, dữ liệu, nhân lực được tăng cường; khí thế phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang lan toả trong xã hội. Quý III/2025 là giai đoạn có sự chuyển biến mạnh mẽ từ **hoàn thiện thể chế, xây dựng kế hoạch triển khai thực thi và tạo ra kết quả cụ thể** với nhiều ứng dụng thiết thực, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. **Tỉ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GDP ước đạt khoảng trên 16%**, mặc dù chưa đạt kỳ vọng nhưng bước đầu cho thấy sự chuyển biến rất tích cực. Những kết quả đã đạt được trong 9 tháng qua đã tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển toàn diện về khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thời gian tới.

2. Tuy nhiên, kết quả có thể đạt được tốt hơn nếu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phát huy hơn nữa vai trò chủ trì, chỉ đạo trực tiếp, bảo đảm công tác triển khai được liên tục, sâu sát, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt. Những vấn đề cốt lõi về hạ tầng, nhân lực, công nghệ chiến lược cần được tập trung chỉ đạo, đầu tư nguồn lực và phát triển mạnh mẽ hơn nữa để bảo đảm tự chủ chiến lược quốc gia. Những tồn tại, hạn chế đã chỉ ra và những nhiệm vụ chậm tiến độ cần được khẩn trương khắc phục để hoàn thành nhiệm vụ năm 2025, tạo nền tảng cho năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030, góp phần chủ động chuẩn bị để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Phần 2

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TỪ NAY ĐẾN CUỐI NĂM 2025

Trong thời gian tới, yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia rất quan trọng và cấp bách. Đây là con đường bắt buộc để đất nước phát triển nhanh và bền vững. Quý IV/2025 là thời gian nước rút để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2025, tạo nền tảng cho giai đoạn tới. Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu phải tháo gỡ hết các điểm nghẽn về mặt pháp luật, trong đó có lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thường trực Ban Chỉ đạo đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

I- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

a) Các cơ quan Trung ương và địa phương: (1) Triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chương trình, kế hoạch của Ban Chỉ đạo³⁴, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. (2) Chủ động rà soát, đánh giá, hoàn thiện cơ chế, chính sách, bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực chất. (3) Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp³⁵ theo phân công.

³⁴ Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025.

³⁵ Quy chế số 03-QC/BCĐTW, ngày 23/6/2025.

b) Các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương (đến cấp xã, phường) phải thường xuyên, kịp thời báo cáo kết quả thực hiện kèm minh chứng trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW, đồng thời khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành³⁶.

c) Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan trong hệ thống chính trị thiết lập các thông tin, dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về kinh tế - xã hội và KH, CN, ĐMST, CDS dựa trên dữ liệu theo thời gian thực.

2. Về xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CDS

a) Đảng uỷ Chính phủ phối hợp chặt chẽ với Đảng uỷ Quốc hội tập trung hoàn thiện thể chế có liên quan đến Nghị quyết số 57-NQ/TW, trước mắt tập trung cho các dự án luật trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

b) Các bộ, ngành được giao chủ trì: (1) Khẩn trương xây dựng, trình ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết đã được Quốc hội thông qua, bảo đảm tính đồng bộ và có hiệu lực thi hành cùng thời điểm với luật. (2) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định được giao tại Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương. (3) Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các dự án luật liên quan đến KHCN, ĐMST, CDS (Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi)...) trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 10 theo chương trình lập pháp của Quốc hội.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao, xử lý trách nhiệm các bộ, ngành, địa phương chậm tiến độ. **Hoàn thành trong tháng 10/2025.**

d) Bộ Công an khẩn trương trình Chính phủ, Thủ tướng ban hành: (1) Nghị định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc trong hệ thống chính trị. (2) Quyết định về Khung kiến trúc, Khung quản trị và Từ điển dữ liệu quốc gia. **Ban hành trước ngày 20/10/2025.**

đ) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan, theo dõi, giám sát, đôn đốc triển khai các cam kết, thoả thuận, dự án hợp tác quốc tế về KHCN, ĐMST, CDS trên Hệ thống giám sát Nghị quyết số 57-NQ/TW. **Hoàn thành trong tháng 11/2025.**

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm về thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia

a) Các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương: Tập trung hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Thông báo số 06-TB/BCĐTW (an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu), Thông báo số 44-TB/TGV (tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu) và Thông báo số 46-TB/TGV (chuyển đổi số liên thông trong hệ thống chính trị), bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ.

b) Các bộ, ngành, địa phương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an rà soát, cấu trúc lại quy trình các DVCTT có tỉ lệ hồ sơ trực tuyến thấp, tỉ lệ phải bổ sung, sửa lỗi cao, bảo đảm người dân, doanh nghiệp "chỉ khai báo thông tin một lần".

³⁶ Quy chế số 02-QC/BCĐTW, ngày 10/6/2025.

c) *Về số hoá*: Các bộ, ngành (1) Phải triển khai các nền tảng, phần mềm dùng chung xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương; có hướng dẫn chi tiết, cụ thể về phân loại hồ sơ, tài liệu cần số hoá, xác định mục tiêu số hoá gắn với quy trình điện tử hay chỉ để lưu trữ để địa phương triển khai thực hiện. (2) Văn phòng Chính phủ chuẩn hoá tên thành phần hồ sơ; đồng thời, đôn đốc các bộ, ngành tái cấu trúc quy trình cắt giảm thành phần hồ sơ dựa trên dữ liệu điện tử và tái sử dụng kết quả thủ tục hành chính. (3) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc phương án dự toán xây dựng, tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo lĩnh vực. (4) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng ban hành văn bản thống nhất hướng dẫn số hoá để các cơ quan trong hệ thống chính trị triển khai thực hiện. **Hoàn thành trong tháng 11/2025.**

d) *Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*

- Bảo đảm đủ, kịp thời kinh phí để nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và giải pháp an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo Đề án và Dự án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, hoàn thành trong quý IV/2025.

- Chỉ đạo rà soát, bảo đảm trụ sở, thiết bị, nhân lực và hạ tầng mạng phục vụ giải quyết TTHC theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP; tổ chức đoàn công tác cấp xã hỗ trợ hoàn thiện điều kiện cho Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả. **Hoàn thành trong tháng 10/2025.**

đ) *Bộ Công an*

- Khẩn trương hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm điều kiện chuyển dịch, tiếp nhận và vận hành hệ thống CNTT của các bộ, ngành, địa phương tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia. **Hoàn thành chậm nhất trong tháng 12/2025.**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể, thống nhất về trình tự, thủ tục phân quyền khai thác CSDL quốc gia về dân cư cho cán bộ tại các bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC. **Hoàn thành trong tháng 10/2025.**

e) *Bộ Tư pháp* sớm ban hành quy định thống nhất về mức độ DVCTT lĩnh vực chứng thực; bảo đảm liên thông và khắc phục lỗi đồng bộ thông tin giữa Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương. **Hoàn thành trong tháng 10/2025.**

g) *Bộ Khoa học và Công nghệ* sớm trình cấp có thẩm quyền ban hành Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh. **Hoàn thành trong tháng 10/2025.**

h) *Văn phòng Chính phủ* triển khai đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về TTHC và DVCTT một cách khách quan, thực chất, làm cơ sở đánh giá cơ quan, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, báo cáo hằng tháng và cập nhật trên Hệ thống giám sát Nghị quyết số 57-NQ/TW. **Hoàn thành trong tháng 12/2025.**

4. Một số nhiệm vụ trọng tâm về phát triển KHCN, ĐMST

a) *Về thúc đẩy Mô hình hợp tác 3 Nhà, khu công nghệ cao, đô thị thông minh*: Các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tập trung hoàn thành các nhiệm

vụ được phân công tại Thông báo kết luận số 45-TB/TGV bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ, mục tiêu đề ra. Trong đó:

- Các trường đại học lớn (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Đà Nẵng) khẩn trương xây dựng kế hoạch hành động triển khai thực hiện (hoàn thành trong tháng 11/2025).

- 3 địa phương (thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng) tập trung thực hiện ngay các nhiệm vụ trong năm 2025 về phát triển khu công nghệ cao, đô thị thông minh.

- Các bộ chuyên ngành (Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo...) chịu trách nhiệm chính, khẩn trương hoàn thiện thể chế, tiêu chuẩn và hướng dẫn, hỗ trợ triển khai.

b) Về phát triển nguồn nhân lực: Bộ Giáo dục và Đào tạo: (i) Nghiên cứu ưu tiên đào tạo nhân lực cho các ngành công nghệ chiến lược, hỗ trợ giảng viên và nhân lực chất lượng cao. (ii) Ban hành hướng dẫn đo lường chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. (iii) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên tham gia và hỗ trợ các cơ sở giáo dục tiếp cận dự án hợp tác quốc tế về chuyển đổi số.

c) Về phát triển công nghệ chiến lược

Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo:

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình triển khai các nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay trong năm 2025, **hoàn thành trước ngày 30/10/2025**. Đồng thời nghiên cứu thực hiện các nội dung sau:

(i) Nghiên cứu, xây dựng hệ thống phương pháp luận và quy trình xác định danh mục nhóm công nghệ, sản phẩm chiến lược, bảo đảm phù hợp thể mạnh, nguồn lực, tiềm năng quốc gia và xu hướng khoa học, công nghệ, chuỗi giá trị cung ứng toàn cầu, yếu tố địa chính trị. **Hoàn thành trong tháng 10/2025.**

(ii) Cần xác định mô hình hợp tác 3 Nhà là phương thức triển khai chủ đạo nhằm huy động sức mạnh tổng thể của hệ sinh thái, với hạt nhân là các chuyên gia, nhà khoa học. Cụ thể hoá mô hình này bằng cơ chế hợp tác công, tư và đối ứng vốn linh hoạt, trong đó: (1) *Với các công nghệ có tiềm năng thị trường cao, được doanh nghiệp quan tâm:* Giữ vai trò đầu tư chính (tối thiểu 50%), còn Nhà nước hỗ trợ thông qua ưu đãi, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường và tài trợ cho trường/viện hợp tác nghiên cứu, nhằm thúc đẩy thương mại hoá và mở rộng ứng dụng công nghệ. (2) *Với các công nghệ còn lại:* Nguồn kinh phí Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tài trợ hợp tác giữa trường/viện và doanh nghiệp nhằm làm chủ công nghệ chiến lược, tiềm năng nhưng rủi ro cao; doanh nghiệp đóng góp tối thiểu 20% kinh phí đối ứng, định hướng ứng dụng và chuẩn bị nền tảng cho các công nghệ mũi nhọn tương lai.

(iii) Xem xét bổ sung "Công nghệ và thiết bị thông minh xử lý AI tại biên (Edge AI)" vào danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược, thuộc Nhóm công nghệ

chiến lược "Trí tuệ nhân tạo, bản sao số, thực tế ảo/thực tế tăng cường". **Hoàn thành trong tháng 10/2025.**

5. Về bảo đảm kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS

a) Bộ Khoa học và Công nghệ: **(1)** Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát dự toán ngân sách nhà nước 2025 - 2026 theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02 KH/BCĐTW, tổng hợp đề xuất gửi Bộ Tài chính để bảo đảm nguồn lực triển khai kịp thời, đúng quy định. **(2)** Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan hướng dẫn về các hạng mục chi trong các lĩnh vực: (i) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. (ii) Chuyên đổi số bảo đảm thống nhất, xuyên suốt cho việc đăng ký và phân bổ, quyết toán kinh phí, trong đó các bộ quản lý lĩnh vực phải chi tiết được các yêu cầu về ưu tiên chi, yêu cầu để phục vụ công tác đánh giá, **hoàn thành trong tháng 11/2025.** **(3)** Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, trình Chính phủ ban hành cơ chế đặt hàng cho các doanh nghiệp, viện, trường thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để khuyến khích đổi mới sáng tạo, **hoàn thành trong tháng 12/2025.**

b) Các bộ, ngành, địa phương căn cứ pháp luật hiện hành; thực trạng, yêu cầu phát triển; bám sát chủ trương của Đảng, hướng dẫn của Bộ quản lý ngành (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Nội vụ) thực hiện việc phân bổ kinh phí, triển khai thực hiện bảo đảm đúng pháp luật, hiệu quả, chặt chẽ, không trùng lặp.

c) Đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy hệ sinh thái tài chính quy mô lớn, linh hoạt cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo nhiệm vụ đã giao tại Thông báo kết luận số 45-TB/TGV, ngày 30/9/2025.

II- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo:

1. Chỉ đạo các cấp, các ngành chuyển đổi mạnh mẽ tư duy, từ "**Nhà nước làm**" sang "**Nhà nước kiến tạo**" theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, nhằm giải phóng và huy động tối đa nguồn lực tư nhân cho phát triển KHCN, ĐMST. Cụ thể, khẩn trương xây dựng và vận hành các cơ chế thực chất để huy động tối đa nguồn lực xã hội, theo nguyên tắc "**Những gì khu vực tư nhân làm được mà không phải lĩnh vực Nhà nước giữ vai trò chủ đạo thì tạo điều kiện, khuyến khích để khu vực tư nhân làm**". Trọng tâm là hoàn thiện cơ chế đặt hàng Nhà nước, thúc đẩy hợp tác công tư trong hạ tầng số, trung tâm đổi mới sáng tạo, và loại bỏ rào cản, giấy phép con để doanh nghiệp công nghệ tư nhân phát triển mạnh mẽ.

2. Chỉ đạo thủ trưởng các bộ, ngành, bí thư tỉnh ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ tại Mục I, Phần 2 Báo cáo, bảo đảm đúng tiến độ, hiệu quả thực chất, có kết quả và sản phẩm cụ thể thúc đẩy KHCN, ĐMST, CDS phát triển nhanh, bền vững.

3. Chính phủ khẩn trương chỉ đạo hoàn thành dứt điểm các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành trong năm 2025, bảo đảm "đúng - đủ - sạch - sống"; chỉ đạo triển khai các công nghệ chiến lược (AI, bán dẫn, 5G, blockchain...); nghiên cứu ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải pháp cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS, nhất là thể chế cho việc phát triển kinh tế dữ liệu; tỉ lệ nội địa hoá để khuyến khích sản xuất trong nước các sản phẩm KHCN; có chính sách vượt trội để thu hút nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế làm việc trong các ngành công nghệ chiến lược; có giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn trong việc số hoá, khai thác, chia sẻ và lưu giữ hồ sơ, tài liệu có cấp độ Mật và Tối Mật trên môi trường số; thúc đẩy việc ban hành văn bản hướng dẫn về số hoá để triển khai đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính trị, tránh lãng phí. Báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo kết quả thực hiện trước ngày 30/12/2025.

4. Chỉ đạo Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ bảo đảm đủ ngân sách nhà nước cho KHCN, ĐMST, CDS trong năm 2025 và các năm tiếp theo, gắn với cơ chế linh hoạt huy động vốn xã hội hoá và hợp tác công tư.

5. Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiếp tục phát huy vai trò trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai sót, bảo đảm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng định hướng và đề xuất xử lý nghiêm tập thể, cá nhân vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm trong triển khai.

6. Giao Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chỉ đạo công tác truyền thông trong và ngoài nước theo hướng chủ động, đa chiều, tạo đồng thuận xã hội và lan toả nhận thức thống nhất về KHCN, ĐMST, CDS, thúc đẩy hành động thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Đảng và Nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đến hết quý III/2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đến cuối năm 2025 phục vụ Phiên họp của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương, kính trình Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương và Thường trực Ban Chỉ đạo xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đảng uỷ các cơ quan đảng Trung ương,
- Đảng uỷ Quốc hội,
- Đảng uỷ Chính phủ,
- Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương,
- Quân uỷ Trung ương,
- Đảng uỷ Công an Trung ương,
- Các ban đảng ở Trung ương,
- Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Văn phòng Tổng Bí thư,
- Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

CHÁNH VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

kiêm

PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



Phạm Gia Túc

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

*(Kèm theo Báo cáo số 08-BC/CQTTBCĐ, ngày 20/10/2025
của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương
về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)*

1. Phụ lục I: Tổng hợp nhiệm vụ quý III và 9 tháng năm 2025.
2. Phụ lục II: Thống kê thể chế, chính sách đã ban hành và cần ban hành cho phát triển KH-CN, ĐMST và CDS.
3. Phụ lục III: Đánh giá về tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến.
4. Phụ lục IV: Phân tích doanh nghiệp có liên hệ với danh mục 11 công nghệ chiến lược.
5. Phụ lục V: Về triển khai công nghệ chiến lược.
6. Phụ lục VI: Tóm tắt báo cáo phân tích doanh nghiệp 9 tháng năm 2025.
7. Phụ lục VII: Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy mô hình hợp tác 3 nhà, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, khu công nghệ cao, đô thị thông minh.

Quét Mã QR để tải các Phụ lục



